

Số: 28/2011/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 1 tháng 9 năm 2011

## **THÔNG TƯ**

### **Quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp như sau:

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Thông tư này quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành để bán lần đầu cho các đối tượng mua trên thị trường sơ cấp trong lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi là mua trái phiếu doanh nghiệp), bao gồm cả trường hợp tổ chức tín dụng mua số trái phiếu doanh nghiệp còn lại chưa bán hết cho đối tượng mua theo cam kết bảo lãnh phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

b) Thông tư này không quy định việc mua, bán trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành; mua, bán lại trái phiếu doanh nghiệp giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với nhau; mua, bán lại trái phiếu doanh nghiệp giữa tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với cá nhân và tổ chức không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; mua, bán trái phiếu phát hành trên thị trường quốc tế.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Ngân hàng thương mại, công ty tài chính và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

b) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp, phát hành trái phiếu để bán lần đầu cho các đối tượng mua theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và pháp luật về chào bán chứng khoán ra công chúng.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Trái phiếu doanh nghiệp là một loại chứng khoán nợ do doanh nghiệp phát hành, xác nhận nghĩa vụ trả cả gốc và lãi của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu.

2. Trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một doanh nghiệp phát hành theo quy định của pháp luật và các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành trái phiếu của doanh nghiệp.

## **Điều 3. Nguyên tắc mua trái phiếu doanh nghiệp**

1. Việc mua trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc tính dư nợ mua trái phiếu doanh nghiệp vào dư nợ cấp tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ.

3. Việc mua trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi phải thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về góp vốn, mua cổ phần.

4. Đồng tiền thực hiện trong giao dịch mua trái phiếu doanh nghiệp là đồng Việt Nam.

## **Điều 4. Các loại trái phiếu doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xem xét mua**

1. Trái phiếu phát hành theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

2. Trái phiếu phát hành theo quy định của pháp luật về chào bán chứng khoán ra công chúng.

## **Điều 5. Điều kiện đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp**

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện việc mua trái phiếu doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện:

1. Là ngân hàng thương mại, công ty tài chính hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Trong giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp có ghi nội dung mua trái phiếu doanh nghiệp.

3. Đảm bảo các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Có Hệ thống và thực hiện xếp hạng tín dụng nội bộ, trong đó có xếp hạng tín dụng đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu.

5. Ban hành Quy định về mua trái phiếu doanh nghiệp phù hợp quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật liên quan, trong đó có nội dung: Quy trình, thủ tục thẩm định và quyết định mua trái phiếu; trách nhiệm và thẩm quyền của cá nhân, đơn vị trong việc xét duyệt, quyết định mua trái phiếu; các loại và đặc điểm trái phiếu được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua; điều kiện của trái phiếu doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua; các chính sách và giới hạn quản lý tín dụng, hệ thống đo lường và quản trị rủi ro, biện pháp và quy trình xử lý rủi ro; thực hiện các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động kinh doanh; kiểm soát nội bộ hoạt động mua trái phiếu.

## **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

1. Thẩm định, kiểm tra phương án và các điều kiện phát hành trái phiếu của doanh nghiệp để xem xét quyết định mua trái phiếu doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện:

a) Trái phiếu được phát hành theo đúng quy định của pháp luật.

b) Mục đích sử dụng tiền thu từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp hợp pháp và phù hợp với ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

c) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu có khả năng tài chính để đảm bảo trả gốc và lãi trái phiếu đúng hạn theo cam kết.

d) Doanh nghiệp phát hành trái phiếu cam kết mua lại trái phiếu trước hạn thanh toán trong trường hợp doanh nghiệp vi phạm quy định pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, vi phạm phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

2. Thực hiện các thủ tục mua trái phiếu và ký kết các hợp đồng mua trái phiếu phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch dân sự và Thông tư này:

a) Hợp đồng mua trái phiếu, trong đó có các nội dung: Số lượng trái phiếu mua, giá mua trái phiếu, tổng số tiền mua trái phiếu, lãi suất trái phiếu; phương thức phát hành trái phiếu; phương thức thanh toán số tiền mua trái phiếu; thời hạn và phương thức thanh toán trái phiếu; bảo đảm thanh toán trái phiếu (nếu có); cam kết của doanh nghiệp về phát hành và thanh toán trái phiếu, mua lại trái phiếu trước hạn thanh toán trong trường hợp doanh nghiệp vi phạm quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, vi phạm phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp; quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong việc giám sát, yêu cầu doanh nghiệp thực hiện các cam kết về phát hành và thanh toán trái phiếu; xử lý các vi phạm hợp đồng mua trái phiếu của tổ chức tín dụng, chi

nhánh ngân hàng nước ngoài và doanh nghiệp phát hành trái phiếu; các thỏa thuận khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với doanh nghiệp.

b) Hợp đồng bảo đảm đối với trường hợp mua loại trái phiếu có bảo đảm, phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

3. Giám sát việc sử dụng tiền thu từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp; trường hợp phát hiện doanh nghiệp phát hành trái phiếu sử dụng tiền thu từ phát hành trái phiếu không đúng mục đích theo nội dung phương án phát hành trái phiếu và cam kết với nhà đầu tư, thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài yêu cầu doanh nghiệp mua lại trái phiếu trước hạn thanh toán và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được mua trái phiếu của doanh nghiệp trong các đợt phát hành sau thuộc phương án phát hành trái phiếu đó.

4. Yêu cầu doanh nghiệp phát hành trái phiếu thanh toán trái phiếu khi đến hạn; trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu không có khả năng thanh toán trái phiếu khi đến hạn, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài xử lý tài sản bảo đảm đối với trái phiếu có bảo đảm bằng tài sản, yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán trái phiếu thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu đối với trái phiếu được bảo lãnh thanh toán, khởi kiện doanh nghiệp hoặc bên bảo lãnh thanh toán trái phiếu vi phạm các cam kết về thanh toán trái phiếu.

5. Xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình mua trái phiếu doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật liên quan nhằm đảm bảo khả năng thu hồi tiền gốc và lãi trái phiếu doanh nghiệp.

### **Điều 7. Giới hạn mua trái phiếu doanh nghiệp**

1. Tổng mức đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp được tính vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng, đối với một khách hàng và người có liên quan theo quy định tại Điều 128 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định cụ thể các giới hạn mua trái phiếu doanh nghiệp: Mua trái phiếu của một doanh nghiệp phát hành; mua trái phiếu của một doanh nghiệp phát hành và doanh nghiệp liên quan phát hành; mua trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm, không có bảo đảm; mua trái phiếu doanh nghiệp với mục đích để bán, để đầu tư và giữ đến ngày đáo hạn.

3. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được mua trái phiếu chuyển đổi.

### **Điều 8. Hệ số rủi ro, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro đối với dư nợ mua trái phiếu doanh nghiệp**

1. Hệ số rủi ro đối với dư nợ mua trái phiếu doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện trích lập dự phòng và xử lý rủi ro đối với dư nợ mua trái phiếu doanh nghiệp như sau:

a) Đối với trái phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng niêm yết (UPCom),

thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư trái phiếu và xử lý khoản dự phòng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ trích lập, sử dụng các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

b) Đối với trái phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng niêm yết (UPCom), thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện dự phòng rủi ro đối với dư nợ mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam .

### **Điều 9. Hạch toán kế toán, thống kê, báo cáo và lưu giữ hồ sơ mua trái phiếu doanh nghiệp**

1. Hạch toán kế toán mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về chế độ kế toán của tổ chức tín dụng.

2. Thống kê và định kỳ hàng tháng gửi báo cáo về tình hình thực hiện mua trái phiếu doanh nghiệp theo Phụ lục 01, Phụ lục 02 kèm theo Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chậm nhất vào ngày 12 tháng tiếp theo tháng báo cáo.

3. Lưu giữ hồ sơ mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về lưu giữ hồ sơ tín dụng.

### **Điều 10. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2011.

2. Căn cứ quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ban hành Quy định về mua trái phiếu doanh nghiệp và gửi cho Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng ngay sau khi ban hành để làm cơ sở cho việc thanh tra, giám sát hoạt động mua trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã mua trái phiếu doanh nghiệp trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi trái phiếu doanh nghiệp đến hạn thanh toán.

4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như khoản 4 Điều 10;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, Vụ CSTT, PC.

**THÔNG ĐỐC**  
- PHÓ THÔNG ĐỐC



Tên tổ chức tín dụng:.....

**PHỤ LỤC 01**  
**BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**  
**MUA TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT SINH TRONG THÁNG BÁO CÁO**  
**Tháng..... năm.....**

STT	Trái phiếu doanh nghiệp			Số tiền mua trái phiếu doanh nghiệp (tỷ đồng)							Lãi suất trái phiếu (%/năm)	Kỳ hạn trái phiếu
	Tên doanh nghiệp phát hành	Mục đích sử dụng trái phiếu	Ngành, lĩnh vực của doanh nghiệp	Tổng số tiền mua trái phiếu	Trong đó							
					Trái phiếu chuyên đổi	Trái phiếu không chuyên đổi	Trái phiếu có bảo đảm	Trái phiếu không có bảo đảm	Trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đăng ký Upcom	Trái phiếu chưa niêm yết		
1												
2												
3												
	<b>Tổng số</b>											

....., ngày tháng năm  
**Tổng giám đốc**

**Kiểm soát**

**Hướng dẫn lập biểu:**

1. Chỉ tiêu mục đích sử dụng trái phiếu: Đề nghị ghi cụ thể mục đích sử dụng như cơ cấu lại các khoản vay trung và dài hạn hoặc tăng quy mô vốn hoạt động; đối với mục đích thực hiện các dự án đầu tư, thì ghi cụ thể ngành, lĩnh vực của dự án đầu tư sử dụng nguồn phát hành trái phiếu, như kinh doanh bất động sản, chứng khoán, xây dựng cơ sở hạ tầng....
2. Đối tượng áp dụng: Ngân hàng thương mại, công ty tài chính và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
3. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ - NHNN (email: [phongcstd@sbv.gov.vn](mailto:phongcstd@sbv.gov.vn); fax: 0438246953).
4. Thời gian gửi báo cáo: Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 12 tháng tiếp theo tháng báo cáo.
5. Ghi họ tên và số điện thoại của người lập biểu để trả lời các vấn đề tại báo cáo.
6. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ qua số điện thoại: 04.38246955.

Tên tổ chức tín dụng:.....

**PHỤ LỤC 02**  
**BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**  
**MUA TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP TẠI CUỐI THÁNG BÁO CÁO**  
**Tháng..... năm.....**

STT	Trái phiếu doanh nghiệp			Dư nợ mua trái phiếu doanh nghiệp (tỷ đồng)							Lãi suất trái phiếu (%/năm)	Kỳ hạn trái phiếu
	Tên doanh nghiệp phát hành	Mục đích sử dụng trái phiếu	Ngành, lĩnh vực của doanh nghiệp	Dư nợ mua trái phiếu	Trong đó							
					Trái phiếu chuyên đổi	Trái phiếu không chuyên đổi	Trái phiếu có bảo đảm	Trái phiếu không có bảo đảm	Trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đăng ký Upcom	Trái phiếu chưa niêm yết		
1												
2												
3												
	<b>Tổng số</b>											

**Kiểm soát**

....., ngày      tháng      năm  
**Tổng giám đốc**

**Hướng dẫn lập biểu:**

1. Chỉ tiêu mục đích sử dụng trái phiếu: Đề nghị ghi cụ thể mục đích sử dụng như cơ cấu lại các khoản vay trung và dài hạn hoặc tăng quy mô vốn hoạt động; đối với mục đích thực hiện các dự án đầu tư, thì ghi cụ thể ngành, lĩnh vực của dự án đầu tư sử dụng nguồn phát hành trái phiếu, như kinh doanh bất động sản, chứng khoán, xây dựng cơ sở hạ tầng....
2. Đối tượng áp dụng: Ngân hàng thương mại, công ty tài chính và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
3. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ - NHNN (email: [phongcstd@sbv.gov.vn](mailto:phongcstd@sbv.gov.vn); fax: 0438246953).
4. Thời gian gửi báo cáo: Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 12 tháng tiếp theo tháng báo cáo.
5. Ghi họ tên và số điện thoại của người lập biểu để trả lời các vấn đề tại báo cáo.
6. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ qua số điện thoại: 04.38246955.